

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND xã Yên Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	Tổng nguồn thu NSDP	75,330.980
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3,382.000
1	Thu NSDP hưởng 100%	-
2	Thu NSDP từ các khoản thu phân chia	3,382.000
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	71,948.980
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
V	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	
B	Tổng chi NSDP	63,730.980
I	Tổng chi cân đối NSDP	51,920.980
1	Chi đầu tư XDCB tập trung	-
2	Chi từ nguồn thu sử dụng đất	-
3	Chi thường xuyên	50,839.980
4	Dự phòng ngân sách	1,081.000
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
II	Chi các chương trình mục tiêu	11,810.000
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	11,810.000
3	Chi thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	
III	Chi nộp ngân sách cấp trên	
IV	Chi chuyển nguồn năm sau	
C	Bội chi NSDP	
D	Chi trả nợ gốc của NSDP	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND xã Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
	TỔNG THU NSNN	6,345.000	3,382.000
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp địa phương		
2	Thu từ khu vực CTN-NQD	4,122.000	1,816.000
3	Lệ phí trước bạ	169.000	106.000
4	Thu phí, lệ phí	588.000	501.000
5	Thu cấp quyền sử dụng đất	-	-
6	Thuế thu nhập cá nhân	1,187.000	701.000
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-
8	Thu tiền thuê đất, mặt nước	-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	-	-
10	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	-	-
11	Thu khác ngân sách	279.000	258.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND xã Yên Châu)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	1
	Tổng chi NSDP	63,730.980
A	Chi cân đối NSDP	51,920.980
I	Chi đầu tư từ nguồn XDCB tập trung	-
II	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-
III	Chi thường xuyên	50,839.980
1	Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	72.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	215.000
3	Chi sự nghiệp Văn hóa - thông tin, Thể dục - thể thao	364.000
4	Chi đảm bảo xã hội	3,191.000
5	Chi quản lý hành chính	42,302.780
6	Chi an ninh - quốc phòng	4,695.200
7	Chi khác ngân sách	-
IV	Dự phòng ngân sách	1,081.000
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	Chi các chương trình mục tiêu	11,810.000
1	Chi các chương trình MTQG	11,810.000
1.1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	240.000
-	<i>Vốn đầu tư</i>	
-	<i>Vốn sự nghiệp</i>	240.000
1.2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và Miền núi	11,570.000
2	Chi thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	
C	Chi chuyển nguồn sang năm sau	